TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2023/QĐST-HNGĐ	*Y, ngày 08 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp: Ông Ma Phúc Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc "Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Lò Thị T; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn N; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Q - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt ngày 07/6/2023).

3. Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ly Mí N - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt ngày 07/6/2023).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai ngày 17/5/2023 và tại phiên họp người yêu cầu chị Lò Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, đến năm 2017 chị và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Do tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T chưa đủ tuổi nên đã tự ý khai báo thay đổi ngày tháng năm sinh từ 03/4/2000 thành 02/3/1998 để đủ tuổi đăng ký kết hôn, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T mới 16 tuổi. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh N chung sống hạnh phúc. Nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị T và anh

Nguyễn Văn N đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang đăng ký kết hôn ngày 16/02/2017 và công nhận hôn nhân hợp pháp giữa chị T và anh N từ thời điểm đủ điều kiện đăng ký kết hôn.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2023 và tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N trình bày: Ngày 16/02/2017 anh N và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh N đã đủ tuổi đăng ký kết hôn, việc chị T tự ý khai báo tăng ngày tháng năm sinh để đủ tuổi đăng ký kết hôn anh N không được biết, do không hiểu biết về quy định pháp luật nên anh N không kiểm tra lại thông tin khi đăng ký kết hôn. Nay để đảm bảo đúng quy định của pháp luật anh N nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị T, công nhận hôn nhân hợp pháp từ thời điểm chị T đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh N xác nhận, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn N1, sinh ngày 01/10/2016 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 13/01/2022 (chưa có giấy khai sinh), chị T và anh N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang, người đại diện theo pháp luật ông Vũ Văn Q xác nhận: Ngày 16/02/2017 Ủy ban nhân dân xã H có nhận được hồ sơ xin đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Văn N, sinh ngày 27/7/1989 và chị Lò Thị T, sinh ngày 02/3/1998, hồ sơ xin đăng ký kết hôn gồm có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Hà Giang cấp ngày 20/12/2016, tờ khai đăng ký kết hôn của chị T và anh N đều ghi ngày tháng năm sinh của chị T là 02/3/1998. Chị T và anh N đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện do đó Ủy ban nhân dân xã H đã đăng ký kết hôn cho chị T và anh N theo quy định pháp luật. Tuy nhiên qua kiểm tra đối chiếu lại giấy khai sinh, giấy Chứng minh nhân dân tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Lò Thị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp giữa chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N từ thời điểm chị T đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, người đại diện theo pháp luật ông Ly Mí N xác nhận: Ngày 19/12/2016 chị Lò Thị T có đến xin đề nghị cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và tự ý khai báo tăng ngày tháng năm sinh từ 03/4/2000 thành 02/3/1998. Qua kiểm tra lại giấy khai sinh của chị T xác định chị T sinh ngày 03/4/2000, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên Ủy ban nhân dân xã M đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp giữa chị Lò Thị T và anh N kể từ thời điểm đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ việc theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Quá trình giải quyết việc dân sự Tòa án đã yêu cầu đương sự và đã thu thập tài liệu, chứng cứ để làm cơ sở cho việc giải quyết việc dân sự đúng quy định của pháp luật, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, việc giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân huyện Y là đảm bảo tuân thủ thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị T, hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N. Công nhận hôn nhân hợp pháp giữa chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N kể từ ngày chị T đủ tuổi kết hôn theo quy định của Pháp luật là ngày 03/4/2018. Về lệ phí chị Lò Thị T không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Ngày 09/5/2023 chị T nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp giữa chị T và anh Nguyễn Văn N do đó vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp vắng mặt người đại diện theo pháp luật của Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang và Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, tuy nhiên những người đại diện theo pháp luật trên đều có đơn xin vắng mặt và có quan điểm về giải quyết vụ việc, do đó việc vắng mặt người đại diện theo pháp luật của Uỷ ban nhân dân xã H và Uỷ ban nhân dân xã M không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ việc, căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành phiên họp.

[3] Về nội dung yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật: Xác định thời điểm kết hôn trên cơ sở tự nguyện giữa chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N được thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 16/02/2017 của Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc đã được thẩm tra tại phiên họp xác định được ngày tháng năm sinh đúng của chị Lò Thị T là ngày 03/4/2000 và anh Nguyễn Văn N là ngày 27/7/1989, như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T mới 16 tuổi 10 tháng 13 ngày, anh N 27 tuổi 06 tháng 19 ngày. Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình chị Lò Thị T đã vi phạm quy định về độ tuổi đăng ký kết hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị T và anh N đã được Uỷ ban nhân dân xã H đăng ký kết hôn ngày 16/02/2017.

[4] Về yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp: Chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống chị T và anh N chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Đến thời điểm hiện tại chị T đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình giải quyết vụ việc chị T và anh N đều có yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp, căn cứ khoản 2 Điều 11 chấp nhận yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp giữa chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N kể từ thời điểm chị Lò Thị T đủ điều kiện đăng ký kết hôn, tức là kể từ ngày 03/4/2018.

[5] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Lò Thị T không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, chị T có đơn xin miễn án phí do chị T là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên chị T được miễn lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361, khoản 3 Điều 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm d khoản 2 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Lò Thị T: Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N tại Giấy chứng nhận kết hôn số: 06 ngày 16/02/2017, nơi đăng ký kết hôn Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Chấp nhận yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp giữa chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N kể từ thời điểm chị Lò Thị T đủ tuổi đăng ký kết hôn, ngày 03/4/2018.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Lò Thị T không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Lò Thị T và anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày

Quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- CC THADS huyện Y;
- Người yêu cầu;
- Người CQLNVLQ;
- UBND xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Ma Lé, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh